SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
**BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN**

Số: 24 /CV-YHCT
V/v: Báo giá nhà để xe ô tô cứu thương

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Nam Định, ngày 26 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Các đơn vị thi công , Công ty xây lắp công trình.

Hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Nam Định đang thực hiện lập kế hoạch xây dựng nhà để xe ô tô cứu thương

Bệnh viện Y học cổ truyền kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng thi công xây lắp như danh mục đính kèm trong phụ lục, gửi báo giá về Bệnh viện y học cổ truyền tỉnh Nam Định theo địa chỉ: Số 1 - Đường Tuệ Tĩnh – P. Lộc Hạ , TP Nam Định, tỉnh Nam Định - Điện thoại: 0228.3648592, scan gửi về địa chỉ email: bvyhctnd@gmail.com trước hoặc nộp trực tiếp cho đ/c Nguyễn Văn Chuyền (Phòng HCTC – SĐT: 0912873451) trước 16h30 phút ngày 28 tháng 7 năm 2022, để Bệnh viện có cơ sở tổng hợp, lập kế hoạch .

Kính đề nghị các đơn vị gửi báo giá theo đúng thời gian quy định.

Xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý đơn vị./.

**Nơi nhận:**
- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**P. GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**

SỞ Y TẾ TỈNH NAM ĐỊNH
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN

**Vũ Thị Kim Bích**

# BẢNG CHÀO GIÁ

## CÔNG TRÌNH : NHÀ ĐỂ XE ÔTÔ CỨU THƯƠNG - BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH NAM ĐỊNH

**( Kèm theo cv số 24/CV - YHCT ngày 26/7/2022 )**

| STT | Mã số | Tên công tác | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá (đ) | Thành tiền (đ) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | AB.11212 | Đào xúc đất bằng thủ công, | m3 | 7,6955 | 140.713 | 1.082.857 |
| 2 | AF.15512 | Bê tông gạch vỡ, vữa XM M50 | m3 | 4,9875 | 695.465 | 3.468.632 |
| 3 | AF.11313A | Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông nền, đá 1x2, mác 200 | m3 | 9,7413 | 1.436.824 | 13.996.534 |
| 4 | AF.11213A | Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng cột, đá 1x2, mác 200 | m3 | 0,750 | 1.447.472 | 1.085.604 |
| 5 | AI.11131 | Gia công cột bằng thép hình D90 dày 3mm | tấn | 0,1439 | 38.312.808 | 5.513.213 |
| 6 | AI.61111 | Lắp dựng cột thép | tấn | 0,1439 | 5.345.479 | 769.214 |
| 7 | AI.11121 | Gia công vì kèo thép hình | tấn | 0,1549 | 47.842.001 | 7.410.726 |
| 8 | AI.61121 | Lắp dựng vì kèo thép | tấn | 0,1549 | 3.808.526 | 589.941 |
| 9 | AI.11221 | Gia công xà gồ thép | tấn | 0,2676 | 35.620.106 | 9.531.940 |
| 10 | AI.61131 | Lắp dựng xà gồ thép | tấn | 0,2676 | 3.122.722 | 835.640 |
| 11 | AK.12222 | Lợp mái bằng tôn LD dày 0.45mm | 100m2 | 1,0160 | 27.873.381 | 28.319.355 |
| 12 | TT | Ke chống bão | con | 424,0 | 2.445 | 1.036.680 |
| 13 | TT | Tôn úp nóc, úp sườn B300 dày 0,45mm | m | 20,80 | 72.799 | 1.514.219 |
| 14 | TT | Gia công bản mã liên kết đầu cột, tường với bán kèo | cái | 18,0 | 73.355 | 1.320.390 |
| 15 | TT | Gia công lắp dựng cửa bịt tôn LD dày 0.45mm | m2 | 12,40 | 611.289 | 7.579.984 |
| 16 | AK.83520 | Sơn sắt thép bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ | m2 | 25,9344 | 51.761 | 1.342.390 |
| 17 | AE.22213 | Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 33cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75 | m3 | 0,6160 | 1.540.436 | 948.909 |
| 18 | AE.22113 | Xây gạch đất sét nung 6,5x10,5x22, xây tường thẳng, chiều dày <= 11cm, chiều cao <= 6m, vữa XM mác 75 | m3 | 0,6160 | 1.712.091 | 1.054.648 |
| 19 | AK.21123 | Trát tường ngoài, chiều dày trát 1,5cm, vữa XM mác 75 | m2 | 13,40 | 87.251 | 1.169.163 |
| 20 | AK.84224 | Sơn tường ngoài nhà không bả bằng sơn các loại, 1 nước lót, 2 nước phủ | m2 | 13,40 | 43.311 | 580.367 |
| 21 | AG.42113 | Tháo dỡ tấm đan rãnh thoát nước cũ | 1 cấu kiện | 5,0 | 17.960 | 89.800 |
| 22 | AG.11413A | Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - Bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 200 | m3 | 0,350 | 1.583.332 | 554.166 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 23 | AG.31311 | Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn gỗ, ván khuôn nắp đan | 100m2 | 0,0210 | 8.372.667 | 175.826 |
| 24 | AG.13231 | Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan | tấn | 0,0040 | 18.922.621 | 75.690 |
| 25 | AG.42113 | Lắp các loại cấu kiện bê tông đúc sẵn bằng thủ công, trọng lượng <= 50kg | 1 cấu kiện | 7,0 | 17.960 | 125.720 |
| | | **TỔNG CỘNG** | | | | **90.171.610** |
| | | **LÀM TRÒN** | | | | **90.172.000** |
| ***( Bằng chữ : Chín mươi triệu một trăm bẩy mươi hai nghìn đồng chẵn./.*** | | | | | | |